

MỘT SỐ ĐIỂM GIÁO VIÊN CẦN LƯU Ý KHI SỬA LỖI BÀI VIẾT CHO SINH VIÊN

THS. PHẠM THỊ THANH THỦY (A)

Khoa Anh, Trường ĐHNN

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong quá trình dạy học nói chung, ngoại ngữ nói riêng, người giáo viên là một nhân tố quan trọng, giữ những vai trò khác nhau: người tổ chức các hoạt động giảng dạy và học tập, người quản lý, giám sát, người giúp đỡ, người kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên... Vì thế họ có nhiều nhiệm vụ khác nhau trong từng buổi lên lớp.

Đặc biệt, trong quá trình dạy viết cho sinh viên bằng tiếng nước ngoài, giáo viên có nhiệm vụ rất quan trọng là đọc và nêu nhận xét về nội dung bài viết của sinh viên cũng như sửa những lỗi về giao tiếp, về văn hoá, về ngôn ngữ mà sinh viên mắc phải.

Bài viết này sẽ không đi sâu vào vai trò đọc và phản hồi của giáo viên về nội dung bài viết của sinh viên, mà chỉ nêu ra một số điểm mà giáo viên cần lưu ý khi sửa những lỗi về ngôn ngữ trong bài viết của họ.

II. NỘI DUNG

1. Cơ sở của việc sửa lỗi

1.1 Thế nào là lỗi?

Theo các nhà ngôn ngữ (Corder, 1967, Bartholomae, 1980, Horning, 1987, Bates et al, 1993, Brown 1994, etc.) có sự khác nhau giữa hai khái niệm *mistake* và *error*.

- *Mistake* (tạm gọi là *lỗi nhầm lẫn*) là sự sử dụng sai hệ thống

ngôn ngữ đã biết, thường do lơ lửng, nhầm lẫn, hoặc do trạng thái cơ thể mệt mỏi, xúc động... Vì thế, lỗi nhầm lẫn không hệ thống, rời rạc, là điều tất yếu trong giao tiếp. Ngay cả người bản ngữ cũng có thể mắc kiểu lỗi này khi sử dụng tiếng mẹ đẻ.

- Còn *error* (tạm gọi là *lỗi hệ thống*) thì là cách người học ngoại ngữ sử dụng sai hệ thống ngôn ngữ đích, là lỗi mang tính hệ thống, phản ánh trình độ tiếp thu ngôn ngữ đích của người học. Người ta không bị mắc lỗi kiểu này khi dùng tiếng mẹ đẻ. Ví dụ: một sinh viên có thể mắc lỗi về sự hoà hợp giữa chủ vị ngữ (he study) một hay hai lần trong một bài viết thì được coi là lỗi nhầm lẫn - *mistake*. Nhưng có sinh viên khác lại mắc lỗi như vậy nhiều lần trong cùng một bài viết hoặc các bài khác nhau, mang tính hệ thống. Trường hợp này sinh viên đã mắc lỗi hệ thống - *error*.

Như vậy, từ sự khác nhau giữa hai kiểu lỗi này ta có thể thấy người học trình độ khác nhau thì mắc phải lỗi khác nhau, và lỗi hệ thống (*error*) có thể chỉ còn là lỗi nhầm lẫn (*mistake*) sau một thời gian học tập. Hơn nữa, người học có thể tự sửa lỗi nhầm lẫn chứ khó có thể tự sửa lỗi hệ thống được nếu không có sự nhận xét phản hồi từ phía người dạy.

Về phía người dạy, giáo viên cũng cần có thái độ thực tế hơn khi sinh viên mắc lỗi, bởi lẽ lỗi không còn đơn thuần là sự phản ánh phương pháp dạy học của giáo viên, mà là dấu hiệu cho thấy quá trình học đang diễn ra. Nói một cách khác, việc người học mắc lỗi trong quá trình học ngoại ngữ là không thể tránh được. Vấn đề đặt ra cho giáo viên là phải hiểu rõ về lỗi và sự cần thiết phải sửa lỗi, phân tích lỗi để biết được tại sao sinh viên mắc lỗi, lỗi nào sinh viên tự sửa được, từ đó giáo viên biết lỗi nào họ nên sửa và sửa vào lúc nào là thích hợp nhất.

1. 2. Tại sao chúng ta cần sửa lỗi trong bài viết của sinh viên?

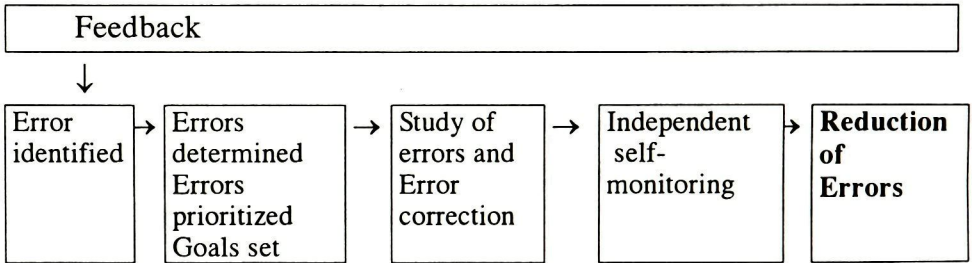
Sinh viên học ngoại ngữ cần được giáo viên phản hồi về lỗi vì:

- Đây là một phần quan trọng trong quá trình học một ngôn ngữ thứ hai.

Như vừa nói ở trên, trong quá trình học ngoại ngữ, người học có thể mắc lỗi trước khi đạt được mức độ hoàn thiện về ngôn ngữ. Người học hoặc tự nhận ra lỗi, hoặc được người khác chỉ cho lỗi, từ đó họ

phân tích lỗi, xác định mức độ nghiêm trọng của lỗi để đề ra mục tiêu sửa lỗi, đồng thời tự điều chỉnh để giảm bớt lỗi và tránh mắc lỗi. Đây cũng là mục tiêu của việc sinh viên phân tích lỗi và việc giáo viên phản hồi về lỗi.

Sơ đồ sau đây cho thấy đường hướng phân tích lỗi: (Bates, 1993:13)



- Việc sửa lỗi không những giúp sinh viên hạn chế mắc lỗi hay mắc ít lỗi hơn trong các bài viết sau, mà còn giúp họ học được và tuân thủ theo những chuẩn viết của văn phong khoa học và chuyên môn.

- Qua nhiều nghiên cứu (Leki 1986, Ancker 2000) nhiều sinh viên học ngoại ngữ mong muốn bài viết của mình được giáo viên sửa lỗi vì họ thấy văn phong viết khác xa so với văn nói, và viết chuẩn xác là rất cần thiết trong giao tiếp.

1.3. Lỗi nào cần sửa? Khi nào cần sửa?

Giáo viên cần nhớ rằng nếu sửa tất các lỗi trong bài viết của sinh viên thì đôi khi lại làm cho sinh viên hoang mang, mất hứng thú học tập. Những tiêu chí sau có thể giúp giáo viên chọn lỗi để chỉ ra hay sửa cho sinh viên:

- Ưu tiên cho những lỗi nghiêm trọng làm người đọc hiểu lầm hay không hiểu bài viết. Đây thường là những lỗi tổng thể (global error), làm sai lệch nghĩa của cả câu hay đoạn, ví dụ như lỗi về trật tự từ: *my father's friend - my friend's father, a race horse - a horse race* ; lỗi sử dụng từ nối sai *I shouted at her because/ so/ so that she stopped talking to me* ; hay lỗi cấu trúc câu *When we lost our way in the forest and it got quite dark were very scary...*

Mặc dù giáo viên thường tập trung chú ý hơn đến nội dung bài viết của sinh viên ở những lần đầu các em viết nháp (early drafts),

giáo viên có thể chỉ ra và sửa những lỗi tổng thể như ví dụ trên ở ngay những bài viết nháp này.

- Giáo viên nên sửa những lỗi sinh viên thường sai lặp đi lặp lại nhiều lần trong bài viết kể cả những lỗi cục bộ (local error) (tức là lỗi chỉ làm sai lệch thông tin của từng từ đơn lẻ mà không ảnh hưởng nhiều đến nghĩa chung của câu, đoạn. Ví dụ: lỗi về thời của động từ, trợ động từ, quán từ, v.v).

Lỗi cục bộ có thể để sửa ở những lần viết sau (later drafts).

- Giáo viên khi sửa lỗi cũng nên xem xét đến trình độ tiếng, thái độ, mục đích của từng cá nhân sinh viên. Với một sinh viên mới học, dù bài viết của anh ta còn nhiều lỗi khác nhau thì anh ta cũng chỉ có thể tập trung vào chữa một hay hai loại lỗi trong một lần mà thôi.

Sinh viên tự tin có thể đón nhận bài viết bị sửa nhiều lỗi mà không mặc cảm. Ngược lại, sinh viên yếu hơn có thể hoảng sợ hoặc nản lòng, và không muốn viết nữa.

- Nếu trong bài giảng mà giáo viên đã đề cập đến một loại lỗi vài lần nhưng sinh viên vẫn mắc lỗi đó thì giáo viên có thể chỉ ra trong bài viết của sinh viên, dù rằng lỗi đó không phải là nghiêm trọng nhất hoặc thường xuyên nhất.

Nói tóm lại, giáo viên, dù muốn hay không, cũng nên chỉ cho sinh viên thấy những lỗi tổng thể để họ có thể sửa, tránh làm sai lệch nghĩa của bài viết.

Có thể tóm tắt sơ đồ lỗi như sau:

Chọn lỗi nào?	
<u>Lỗi tổng thể:</u> Làm ảnh hưởng đến nghĩa toàn câu/ đoạn. VD: trật tự từ, cấu trúc câu, từ nối... ↓	<u>Lỗi cục bộ:</u> Làm ảnh hưởng đến nghĩa của từng thành tố đơn lẻ. VD: trợ động từ, quán từ ↓
<u>Kết quả:</u> Ảnh hưởng đến kết quả giao tiếp ↑ ←	<u>Kết quả:</u> không ảnh hưởng nhiều đến kết quả giao tiếp
← Ưu tiên	

1.4. Sửa lỗi như thế nào?

Trong quá trình đọc và sửa lỗi cho sinh viên, nhiều giáo viên dùng những cách khác nhau, ví dụ:

- Sửa trực tiếp: sửa và ghi tất cả phần chữa vào bài viết của sinh viên. Cách này còn được các nhà ngôn ngữ gọi là *over-correction* (sửa quá nhiều).

- Sửa gián tiếp: Cách sửa lỗi này là giáo viên dùng một hệ thống kí hiệu để sửa lỗi: giáo viên có thể dùng chữ viết tắt, kí hiệu, mũi tên, hay khoanh tròn, gạch chân, dùng dấu ngoặc để chỉ ra lỗi. (Xin xem bảng phụ lục A - một số kí hiệu thông thường dùng trong sửa lỗi).

Giáo viên cũng có thể viết nhận xét bên lề trang giấy.

- Giáo viên cũng có thể kết hợp các cách này.

Giáo viên nào cũng hiểu rằng dù có dùng cách chữa nào đi nữa thì mục đích cuối cùng của chúng ta là sinh viên phải bớt mắc lỗi hoặc không mắc lỗi nữa. Tuy nhiên không phải ai cũng biết rằng sinh viên sẽ thật khó ghi nhớ những điều mà giáo viên cung cấp sẵn một cách quá nhanh, khi mà họ không có cơ hội để tìm hiểu, học hỏi, kiểm nghiệm, ghi nhớ, và vận dụng chúng. Vậy thì nếu giáo viên cung cấp cho sinh viên mọi phần chữa là ta đã vô tình hay hữu ý tước mất cơ hội đó của sinh viên. Cần phải cho sinh viên cơ hội để họ tự hiểu, tự chữa lỗi, học qua lỗi (tất nhiên điều này đòi hỏi cả thời gian và nỗ lực - thứ mà chúng ta không bao giờ có đủ). Điều này cũng được Norman (2003) đồng tình: *"By telling students information, we are effectively robbing them of it: understanding something is not the same as remembering it, but (it is not so well known that) understanding something too quickly can make it more difficult to remember. Therefore, teachers should ask students questions rather than give them too many answers."*

Nói như vậy có nghĩa là giáo viên nên dùng cách sửa lỗi gián tiếp. Tùy theo trình độ của sinh viên mà giáo viên có thể đơn thuần chỉ ra lỗi hay giáo viên vừa chỉ ra lỗi và vị trí của nó, đồng thời xác định loại lỗi cho sinh viên.

Ví dụ: Đối với sinh viên đã đạt tới trình độ trung cấp thì giáo viên có thể sửa lỗi bằng cách đánh dấu X ngoài lề dòng có lỗi hay nêu ra

bài viết của sinh viên có mấy lỗi...). Chẳng hạn: Giáo viên cho sinh viên biết câu sau có 4 lỗi:

XX		<u><i>You want to become good teacher means that you need to have some neccessary quality.</i></u>
XX		

Câu đúng phải là: *Becoming a good teacher means that you need to have some necessary qualities.* Or: *That you want to become a good teacher means that you need to have some necessary qualities.*

Đối với sinh viên trình độ sơ cấp hoặc thấp hơn, giáo viên có thể chữa như sau: chỉ ra 4 lỗi và xác định loại lỗi cho sinh viên biết để họ có thể tự sửa.

ss art

[You want to become a good teacher means that] you need to have some

sp num

neccessary quality.

ww

Only when you love the children, can you find the real mean of the teaching job.

(Only when you love children, can you find the real meaning of the teaching job.)

Nếu sinh viên không tự sửa lỗi được thì ta lại tiếp tục giúp họ sửa lỗi khó: trong ví dụ trên là lỗi thứ nhất về cấu trúc (ký hiệu là ss).

Đối với sinh viên năm thứ nhất, ta nên giúp các em chữa một số lỗi khó, lỗi tổng thể và chỉ ra cho các em những lỗi dễ, lỗi cục bộ khác để các em tự sửa.

2. Một vài gợi ý cho giáo viên dạy viết về việc chữa lỗi

2.1. Dạy cho sinh viên hệ thống kí hiệu giáo viên dùng để chữa lỗi

Khi giáo viên dùng kí hiệu để sửa lỗi, ta đã giúp sinh viên tích cực tham gia vào quá trình phân tích lỗi của chính họ, khám phá ra những lỗi họ hay mắc để từ đó hạn chế bớt lỗi.

Bản thân giáo viên và đồng nghiệp của mình nên thống nhất một hệ thống ký hiệu để sửa lỗi và họ nên nhất quán trong việc dùng các ký hiệu đó để sửa lỗi, bởi vì sinh viên phải làm quen với chúng và sử dụng chúng trong suốt chương trình học viết của mình. (Xem phụ lục A)

2.2. Giáo viên cần linh hoạt trong việc sửa lỗi

Như đã nói ở trên giáo viên theo dõi sát trình độ và sự tiến bộ của mỗi lớp, nhóm, hay cá nhân sinh viên để xác định lỗi nào cần sửa, sửa lúc nào, đồng thời đưa ra cách thức sửa lỗi phù hợp nhất, tránh sửa quá nhiều hay quá ít, tạo điều kiện cho sinh viên tiến bộ nhanh nhất. Một trong những công cụ hữu hiệu nhất cho cả giáo viên và sinh viên là bảng theo dõi và thống kê lỗi.

2.3. Bảng theo dõi và thống kê lỗi

Bảng theo dõi và thống kê lỗi gồm ba cột chính để ghi lại những thông tin sau: Loại lỗi, tổng số lỗi mắc trong một bài viết, những lỗi cần ưu tiên sửa trước. (xem phụ lục B)

Bảng theo dõi và thống kê lỗi nhằm hai mục đích: Thứ nhất, nó giúp sinh viên thấy được họ mắc lỗi nào thường xuyên nhất, nghiêm trọng nhất trong các bài viết của họ. Thứ hai, nó giúp họ giành quyền ưu tiên cho lỗi nào cần sửa nhất, tự tránh mắc lại lỗi đó trong những bài viết sau, hoặc nếu mắc lỗi lại thì họ tự biết để sửa ngay.

Sinh viên cũng thấy sự tiến bộ của mình thông qua bảng theo dõi và thống kê lỗi, từ đó phấn khích mà học tập.

2.4. Yêu cầu sinh viên sửa lỗi cho nhau theo từng cặp hay nhóm

Đây là cách tốt giúp giáo viên giảm thời gian chữa bài cho từng cá nhân sinh viên, đồng thời động viên được vai trò chủ động của người học theo đường hướng dạy học lấy người học làm trung tâm. Sinh viên có thể giúp nhau sửa lỗi, qua đó học hỏi nhau, nâng cao kỹ năng tự sửa lỗi (proof-reading). Đôi khi họ có thể coi đây là một bài tập vui như việc chơi một ô chữ, thi đua xem nhóm nào xong trước, tìm và chữa nhiều lỗi nhất và chính xác nhất.

Tuy vậy, giáo viên cũng cần nhắc nhở các em chớ quá tập trung vào việc sửa lỗi ngôn ngữ ở lần viết đầu tiên mà quên phần nội dung bài viết. Tốt nhất là giáo viên cho các em sửa bài của nhau theo hai

bước: đầu tiên sinh viên cho nhận xét về nội dung bài viết, sau đó mới chữa lỗi. Giáo viên cũng có thể yêu cầu sinh viên tìm và sửa từng loại lỗi khác nhau cho một lần.

Sau khi sinh viên sửa cho nhau xong, giáo viên nên yêu cầu các em xem và viết lại bài trước khi nộp cho giáo viên. Bằng cách này bài viết của sinh viên chắc chắn sẽ ít lỗi hơn. Đồng thời khi sinh viên tranh luận xem liệu chỗ này trong bài viết có lỗi hay không, các em cũng ôn luyện được luôn những kiến thức đã học.

III. KẾT LUẬN

Trong quá trình dạy và học ngoại ngữ, việc người học mắc lỗi, nhất là trong giai đoạn đầu, là không thể tránh được. Vì thế, một trong những nhiệm vụ của người giáo viên, đặc biệt giáo viên năm thứ nhất, là phải sửa lỗi cho sinh viên.

Để quá trình này diễn ra suôn sẻ, giáo viên cần lưu ý đến một số những nguyên tắc chung khi sửa lỗi. Đặc biệt, chúng ta luôn phải nhớ là chúng ta chữa lỗi cho sinh viên nhằm hỗ trợ tích cực cho việc học tập của các em, chứ không phải làm cho họ nản lòng. Việc giáo viên dùng hệ thống kí hiệu thống nhất để sửa lỗi vừa tiết kiệm được thời gian và công sức cho bản thân họ, vừa có lợi cho sinh viên. Một khi các em quen được với hệ thống kí hiệu sửa lỗi (nếu thống nhất trong suốt quá trình học thì càng tốt), cùng với bảng theo dõi và thống kê lỗi, các em có thể tích cực tham gia vào hoạt động tự sửa lỗi cho mình và cho lẫn nhau. Tất nhiên, các em cũng có thể điều chỉnh và áp dụng chúng để sửa lỗi cho các môn khác nữa, đặc biệt là lỗi trong khi nói.

Bài viết này mới đưa ra một số những gợi ý nhỏ về cách sửa lỗi mà người viết đã áp dụng trong việc giảng dạy của mình. Mong rằng nó cũng ít nhiều có ích cho các giáo viên khác trong quá trình sửa lỗi bài viết cho sinh viên. Tác giả cũng mong nhận được sự đóng góp ý kiến cho bài viết được hoàn chỉnh hơn.

Một điều nữa mà người viết muốn chia sẻ là dù thế nào đi nữa thì việc dùng hệ thống kí hiệu chữa lỗi cho sinh viên cũng *không thể thay thế* được việc giáo viên đưa ra **những lời nhận xét về nội dung của**

bài viết của các em (vì chắc người đọc/ nghe cũng chẳng hứng thú gì khi đọc/ nghe một bài không có lỗi nhưng lạc chủ đề hay nội dung nghèo nàn). Để có được những nhận xét hay, mang tính chất xây dựng thì cũng là cả một nghệ thuật. Vì thế, người viết sẽ đề cập đến vấn đề đó trong một dịp khác.

Tài liệu tham khảo

1. Ancker W. 2000. *Errors and corrective feedback: Updated theory and classroom practice*. ET Forum, 38, 4, pp. 20-4.
2. Bartholomae D. 1980. *The study of error*. College Composition and Communications, 31: 253-69.
3. Bates L., J. Lane, and E. Lange. 1993., *Writing Clearly*. Boston: Heinle and Heinle Publisher.
4. Brown, H. D. 1994. *Principles of language learning and teaching, 3rd ed*. Englewood Cliffs. NJ: prentice Hall Regents.
5. Corder S. P. 1967. *The significance of learners' errors*. International Review of Applied Linguistics, 5: 161-70.
6. Horning A. S. 1987. *Teaching writing as a second language*. Carbondale, Ill.: Southern Illinois Press.
7. Ingram B. and C. King, 1996. *From writing to Composing*. An introductory composition course for students of English. Cambridge University Press.
8. Klassen J. 1995. *Using Student Errors for teaching*. Creative Classroom Activities. ET Forum. (Ed.: Thomas Kral.) Pp. 134-41
9. Leki I. 1986. *ESL student preferences in written error correction*. Paper presented at the Southeast Regional TESOL Conference, Atlanta, Ga.
10. Norman S., 2003. *The Power of the Para consciousness, Etp* 29, October 2003. (Ed.: Thomas Kral).

ERROR CORRECTION SYMBOLS

Bảng Hệ thống kí hiệu lỗi

Symbol	Explanation	Symbol	Explanation
<u>General Items:</u>		<u>Modifiers:</u>	
//	New paragraph	Adj	Use adjective
?	Meaning unclear	Adv	Use adverb
^		poss	Use possessive form
/	Add omitted word/s	<u>Prepositions</u>	
WF	Omit word/s; not	Prep	Add preposition
expr	Right word but wrong form		
	Expression (affected by L1)		
<u>Punctuation:</u>		<u>Syntax:</u>	
C/CAP	Capitalize	() F/ Frag	Fragment error
P	Incorrect punctuation	() R/ R-O	Run- on sentence
<u>Nouns:</u>		S/V	Subject/ verb needed
pro agr	Pronoun agreement mistake	WO	Wrong order
art	Article mistake	coh	Coherence (one idea does not lead to the next)
ger/ G	Use gerund	ss	
N	Use noun	<u>Connectors</u>	Sentence structure
num/ #	Number; singular ↔ plural)	Conj/ Conn	
pro/PR	Use pronoun	L	Incorrect conjunction / connective
REF	Pronoun reference unclear	R/PR	Link/combine
			Add relative pronoun

Verbs:

VC

SV agr

vt/ VT

vf/VF

mod

aux

inf

cond

Voice change

Subject/ verb
agreementWrong verb
tenseIncorrect verb
form

Modal problem

Auxiliary verb

Use infinitive

Incorrect
use/formation
of a conditional
sentence.Lexical items

sp

wch/ ww

Incorrect spelling

Word choice/
wrong wordStyle

Informl

Too informal

PAR

Faulty

T/S

parallelism

PARA/UN

Improve topic
sentence

TRANS

Lack of
paragraph unity

Transition needed

(Dựa theo Klassen 1991, Bates et al. 1993, Ingram and King 1996)

Bảng phụ lục B:**ERROR AWARENESS SHEET****Bảng theo dõi và thống kê lỗi**

Directions: This Error Awareness Sheet will help you to discover what your errors are and to learn to prioritize them. Put a check in the second column for each error marked on your returned paper. Then, from the most frequent errors in the second column, select two or three that you can begin working on first and check next to them in the third column. Always remember that you need to work on frequent global errors first.

Name of student: Essay:

Type of Error	Total Number of Errors	Top-priority Errors to work on
Global errors (more serious). These errors usually impede understanding.		
ss		
wo		
expr		
cond		
mod		
conn		
...		
Local errors (less serious). These errors, while distracting, most often do not impede understanding.		
SV agr		
art		
num		
VF		
adj		
...		
Other errors These errors are commonly made by native speakers.		
CAP/ not CAP.		
P		
sp		
() R/ R-O		
...		

(Dựa theo Klassen 1991, Bates et al. 1993)